**TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN**
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28-8-2018
"V/v tranh chấp ly hôn"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN – TỈNH BẮC GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà:* Bà Lê Thị Ngọc Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Quốc Sửu

Ông Hoàng Dũng

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Văn Nam

Thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang;

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Yên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 166/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vi Xuân M, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: thôn P, xã P, huyện T, Bắc Giang;

- *Bị đơn:* Chị Trần Thị H, sinh năm 1990 (đề nghị xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKTT: thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ở hiện nay: phố B, xã C, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 12/6/2018, bản tự khai ngày 20/6/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2018 thì nguyên đơn là anh Vi Xuân M trình bày:

Anh kết hôn với chị Trần Thị H ngày 04/4/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi kết hôn được khoảng 04 tháng thì anh thấy chị H có biểu hiện

thiếu chung thủy với anh. Vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã, xô xát. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải và thuyết phục đối với cả hai nhưng đều không có kết quả. Tháng 4/2018 chị H tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm, thăm hỏi, không có trách nhiệm với nhau. Thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn với chị H.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: anh không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà: anh M có mặt và giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị H.

Tại bản tự khai ngày 20/6/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 21/6/2018 thì bị đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Vi Xuân M năm 2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã P. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hạnh phúc, anh M thường nghi ngờ chị có quan hệ ngoại tình với người khác nên đã nhiều lần chửi mắng, xúc phạm chị. Chị đã bỏ về nhà đẻ ở và sống ly thân với anh M từ tháng 4/2018 đến nay. Nay anh M xin ly hôn, chị đồng ý thuận tình ly hôn theo yêu cầu của anh M;

Về con chung, tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung, ruộng canh tác: chị cũng không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Tại phiên tòa: chị H vắng mặt và có đơn đề nghị tiến hành xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự là đảm bảo theo quy định.

Về nội dung: đề nghị xử cho anh M được ly hôn với chị H và buộc anh M phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến đề nghị của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: ngày 20 tháng 6 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện T thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của anh Vi Xuân M với bị đơn là

chị Trần Thị H là theo đúng thẩm quyền giải quyết quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Bị đơn là chị Trần Thị H đã được triệu tập hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H là phù với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: anh Vi Xuân M và chị Trần Thị H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 04 tháng 4 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã P nên hôn nhân giữa anh M và chị H là hôn nhân hợp pháp phù hợp với quy định của pháp luật. Tháng 4/2018, do vợ chồng mâu thuẫn nên đã sống ly thân, không quan tâm, không có trách nhiệm với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh M xin ly hôn với chị H và được chị H đồng ý nên cần chấp nhận yêu cầu của anh M để xử cho anh M được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

[4] Về con chung, tài sản chung, quyền và nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp và ruộng canh tác: do cả anh M và chị H đều không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: anh M phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng và ý kiến về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: anh Vi Xuân M được ly hôn với chị Trần Thị H;

2. Về án phí: anh Vi Xuân M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số AA/2017/0002015 ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên.

Anh M đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Ngọc Lý**